

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 47 (18/11-22/11/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: Kỳ vọng lạm phát của Hoa Kỳ trong năm tới đã giảm xuống mức thấp nhất trong gần bốn năm là 2,6%; Niềm tin của người tiêu dùng Hoa Kỳ đã được điều chỉnh giảm xuống còn 71,8 điểm vào tháng 11/2024.
- EURO: Tỷ lệ việc làm tại khu vực Euro giảm xuống còn 2,50% trong quý 3 năm 2024.
- Trung Quốc: Giữ nguyên lãi suất cho vay chuẩn tại mức cố định vào tháng 11/2024.
- Nhật Bản: Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm của Nhật Bản đã giảm xuống dưới 1,08%.
- BOJ: Khả năng tăng lãi suất trong bối cảnh suy yếu.
- Giá hàng hóa thế giới: Giá vàng thế giới tăng; Giá dầu thị trường quốc tế tăng.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- BTC: Bộ Tài chính đề xuất tiếp tục giảm 2% thuế giá trị gia tăng trong 6 tháng đầu năm 2025.
- TCHQ: Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong nửa đầu tháng 11/2024 (từ ngày 01/11 đến ngày 15/11/2024).
- Chính phủ: Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 - 2025.
- Xuất khẩu suy giảm trong ngắn hạn nhưng sẽ sớm phục hồi.
- WB: Đề xuất 5 nhóm chính sách giúp Việt Nam trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045.
- Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm đan xen ở các phiên trong tuần.
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 319.006 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 92.105 tỷ VND cổ phiếu. Lãi suất trúng thầu tăng nhẹ so với đầu năm 2024 ở kỳ hạn 5 năm (+0,42); 10 năm (+0,51 điểm) và 30 năm (+0,27).

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	4,06	0,34	8,04	-2,14
1 Tuần	4,22	-2,82	11,61	-11,02
2 Tuần	4,54	-3,07	12,62	-12,02
1 Tháng	4,84	1,45	11,83	-8,09
3 Tháng	5,21	-0,92	11,56	-10,83
6 Tháng	5,5	4,04	9,66	-6,88
9 Tháng	5,46	-18,48	31,71	-44,82

Ghi chú: Ngày áp dụng 21/11/2024

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
18/11/2024	7		18/18	15.000	4
	28		2/2	400	4
19/11/2024	7		15/15	15.000	4
	28		1/1	200	4
20/11/2024	7		8/8	8.000	4
	28		3/3	800	4
21/11/2024	7		11/11	5.000	4
	28		3/3	1.700	3,97
22/11/2024	7		20/20	25.000	4
	28		1/1	500	4

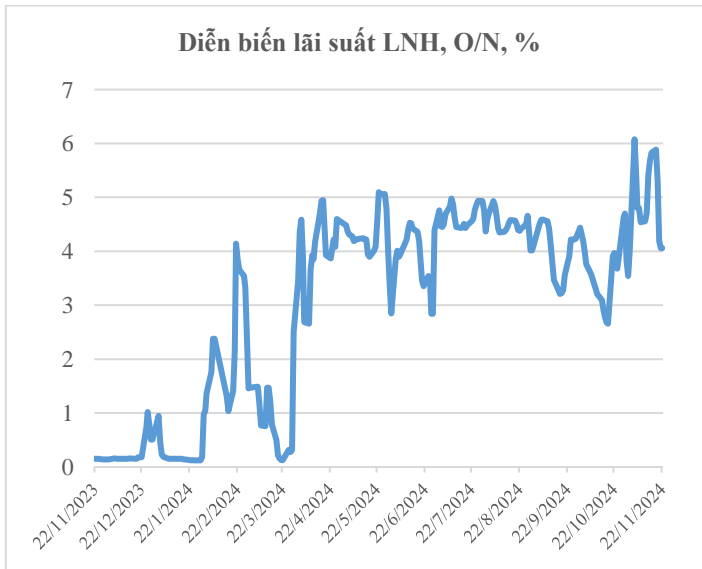
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 47 (18/10-22/11/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,29		0,62			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		61%		45%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	72.750		2.500			
3	7 Năm	6.000		-			
4	10 Năm	265.750		5.500			
5	15 Năm	135.500		1.500			
6	20 Năm	14.000		-			
7	30 Năm	22.900		500			
	Tổng	519.400		10.000			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	95.581	1,3	1.300	1,91		
3	7 Năm	3.245	2	-	-		
4	10 Năm	390.632	2,08	3.650	2,66		
5	15 Năm	147.951	2,28	800	2,95		
6	20 Năm	11.456	2,6	-	-		
7	30 Năm	19.588	2,8	462	3,1		
	Tổng	668.453		6.212			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	46.370	1,37	1.000	1,92	+0,01	+0,42
3	7 Năm	795	2,02	-	-	-	-
4	10 Năm	191.910	2,15	3.000	2,66	-	+0,51
5	15 Năm	65.859	2,35	-	-	-	-
6	20 Năm	6.030	2,65	-	-	-	-
7	30 Năm	8.042	2,85	462	3,12	-	+0,27
	Tổng	319.006		4.462			

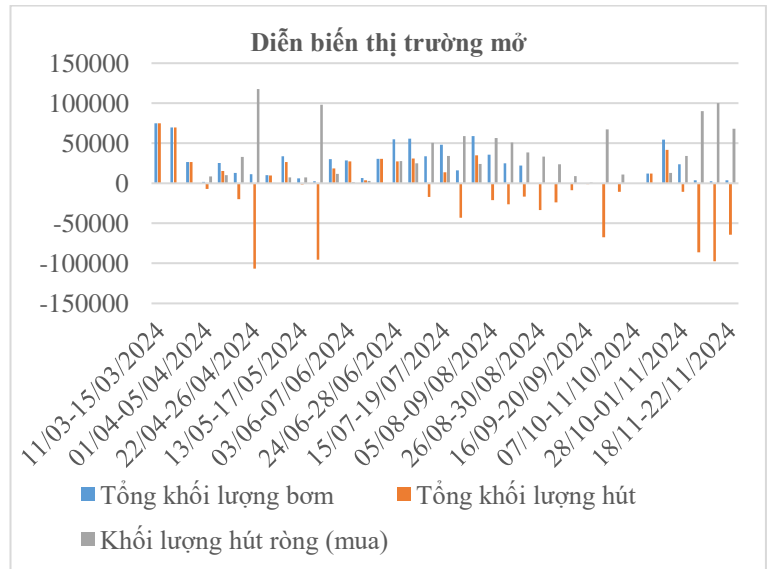
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

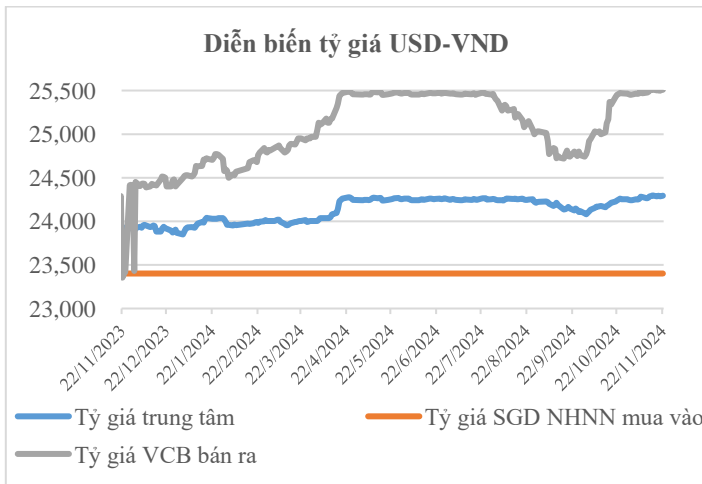


Nguồn: NHNN

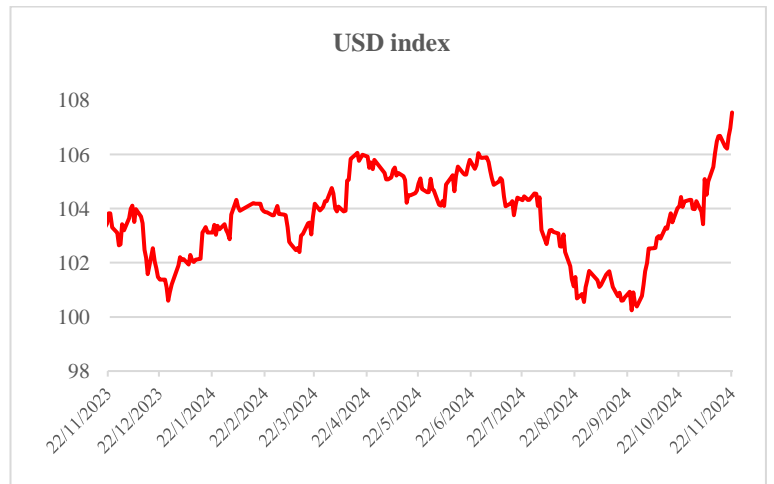


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

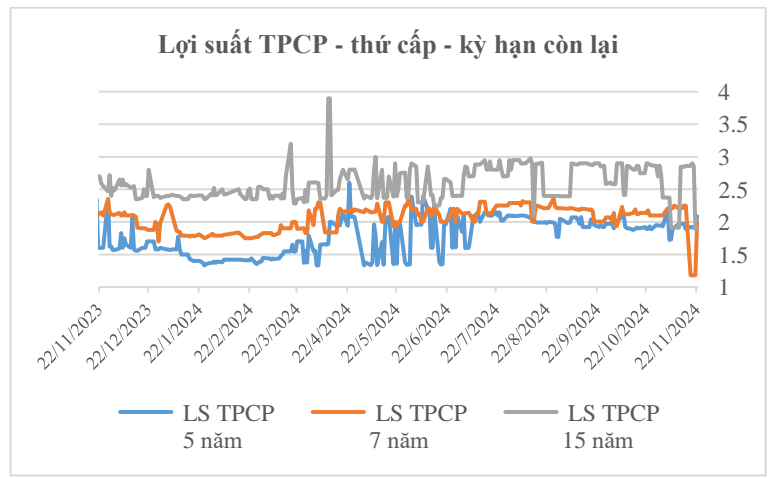


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 47 (18/11-22/11/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	4.75%	5.00%	19/09/2024	18/12/2024
ECB	EURO Zone	3.25%	3.50%	17/10/2024	12/12/2024
BOJ	Nhật Bản	0.25%	0.00 %	31/07/2024	19/12/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.10%	3.35 %	22/07/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	10/12/2024
BoE	Anh	5.00%	5.25%	01/08/2024	19/12/2024
BOK	Hàn Quốc	3.25 %	3.50 %	11/10/2024	28/11/2024
BI	Indonesia	6.00%	6.25%	18/09/2024	18/12/2024
BNM	Malaysia	3.00%	2.75%	03/05/2023	22/01/2025
BOT	Thái Lan	2.25%	2.50%	16/10/2024	18/12/2024
CBR	Nga	21.00%	19.00%	13/09/2024	20/12/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	1.04823	-1.06%	-3.10%	-4.30%
GBPUSD	1.25990	-0.64%	-2.91%	-0.22%
AUDUSD	0.65411	0.56%	-0.63%	-0.97%
USDJPY	153.715	-0.57%	0.37%	3.41%
USDCNY	3.41%	0.26%	1.44%	1.21%
USDCAD	1.39338	-0.63%	0.32%	2.34%
USDRUB	103.6670	4.35%	8.78%	17.82%
USDKRW	1404.51	0.88%	1.19%	8.29%
DXY	106.865	0.60%	2.49%	3.32%
USDTHB	34.3400	-0.54%	2.26%	-1.88%
USDSGD	1.34269	0.31%	1.52%	0.44%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.3590	-0.06%	0.07%	-0.03%
United Kingdom	4.3920	-0.08%	0.15%	0.18%
Japan	1.0790	0.00%	0.11%	0.31%
Australia	4.5360	-0.08%	0.06%	-0.03%
Germany	2.2520	-0.10%	-0.06%	-0.37%
China	2.0780	-0.01%	-0.07%	-0.63%
Singapore	2.8770	-0.04%	-0.04%	-0.07%
South Korea	2.9360	-0.13%	-0.17%	-0.83%
Taiwan	1.5350	-0.01%	-0.01%	0.27%
Thailand	2.4380	0.00%	0.05%	-0.55%
Vietnam	2.8200	-0.04%	0.03%	0.24%
Hong Kong	3.3850	0.06%	0.16%	-0.68%
Indonesia	6.9080	0.01%	0.09%	0.27%
Malaysia	3.8570	-0.04%	-0.07%	-0.09%
Philippines	6.0910	-0.10%	0.07%	-0.31%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 W	+/_ % 1 M	+/_ % YTD	+/_ % 1Y	+/_ % 3 Y
Dow Jones	+2.09%	+5.18%	+17.53%	+25.17%	+26.93%
S&P 500	+2.09%	+5.18%	+17.53%	+25.17%	+26.93%
Nasdaq	+1.13%	+2.62%	+26.60%	+33.35%	+22.67%
DAX	+0.70%	-0.72%	+15.35%	+20.54%	+26.65%
FTSE 100	+1.88%	+0.16%	+6.84%	+10.33%	+17.29%
CAC 40	-0.32%	-3.23%	-3.82%	-0.52%	+7.65%
Euro Stoxx 50	-0.01%	-3.10%	+5.93%	+9.56%	+17.13%
Nikkei 225	+1.86%	+2.69%	+16.34%	+15.79%	+35.41%
Shanghai	-1.52%	-0.80%	+10.03%	+7.64%	-8.16%
Hang Seng	-1.71%	-6.55%	+12.87%	+9.58%	-20.09%
SET	-0.45%	-1.17%	+2.15%	+3.50%	-10.20%
KOSPI	+2.79%	-1.75%	-4.42%	+1.66%	-13.57%
IDX Com	+0.86%	-6.49%	-1.06%	+2.65%	+9.66%
PSEi	+0.28%	-7.30%	+5.12%	+8.14%	-6.85%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	71.188	2.92%	5.65%	-5.20%
Natural gas USD/MMBtu	3.4087	14.56%	18.96%	17.52%
Gasoline USD/Gal	2.0573	1.97%	2.09%	-4.28%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2700.55	3.34%	-1.63%	34.07%
Silver USD/t.oz	31.078	-0.34%	-7.86%	26.16%
Lithium CNY/T	79100	0.51%	10.63%	-39.39%
Platinum SD/t.oz	959.60	-0.47%	-7.48%	4.46%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	4.1129	0.13%	-5.14%	9.46%
Steel CNY/T	3306.00	4.03%	3.12%	-16.30%
Iron Ore USD/T	101.95	0.31%	-2.55%	-21.67%
Aluminum USD/T	2659.00	1.78%	0.25%	20.27%
Tin USD/T	28914	0.60%	-6.45%	18.13%
Zinc USD/T	2995.00	1.13%	-5.15%	17.94%
Nikel USD/T	15856	2.32%	-2.56%	-3.21%
Coal USD/T	141.25	-0.18%	-1.91%	15.64%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

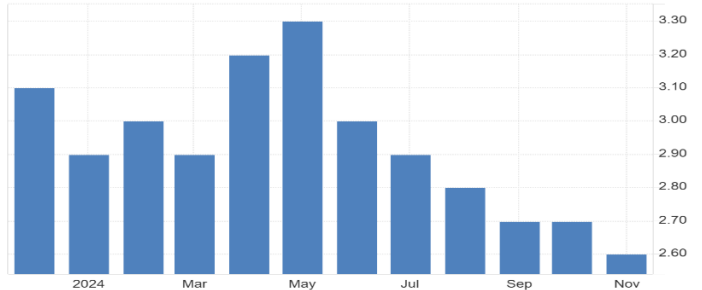
I. KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Mỹ:

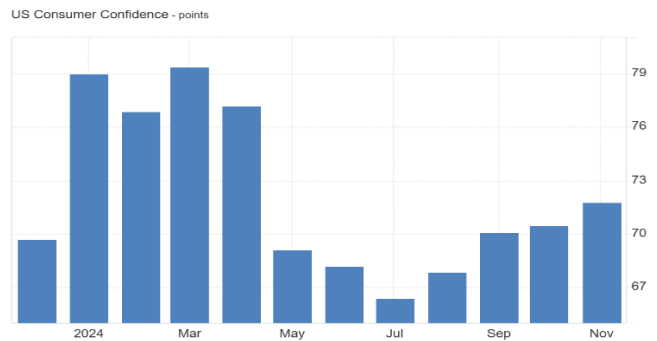
Kỳ vọng lạm phát của Hoa Kỳ trong năm tới đã giảm xuống mức thấp nhất trong gần bốn năm là 2,6% vào tháng 11 năm 2024, giảm từ mức 2,7% vào tháng 10 và phù hợp với ước tính sơ bộ. Trong khi đó, triển vọng năm năm đã được điều chỉnh nhẹ lên 3,2% vào tháng 11, mức cao nhất trong một năm, so với ước tính trước đó là 3,1% và 3% vào tháng 10.

Tỷ lệ kỳ vọng lạm phát giảm



Niềm tin của người tiêu dùng Hoa Kỳ đã được điều chỉnh giảm xuống còn 71,8 điểm vào tháng 11 năm 2024 từ mức sơ bộ là 73,0 điểm, nhưng vẫn là mức cao nhất trong bảy tháng, so với mức 70,5 điểm vào tháng 10. Thước đo về điều kiện kinh tế hiện tại đã được điều chỉnh xuống còn 63,9 từ 64,4 điểm và chỉ số kỳ vọng đã được điều chỉnh từ 64,4 lên 63,9 điểm.

Chỉ số niềm tin người tiêu dùng giảm



Nguồn: BLS/Tradingeconomics

Khu vực EURO:

Tỷ giá hối đoái EUR/USD giảm 0,0052 hoặc 0,49% xuống 1,0417 vào thứ sáu ngày 22 tháng 11 từ mức 1,0469 trong phiên giao dịch trước đó. Tỷ giá hối đoái EUR/USD dự kiến sẽ giao dịch ở mức 1,07 vào cuối quý này

Tỷ lệ việc làm tại khu vực Euro giảm xuống còn 2,50% trong quý 3 năm 2024 từ mức 2,60% trong quý 2 năm 2024. Tỷ lệ việc làm trung bình tại khu vực Euro trung bình là 1,79% từ năm 2006 đến năm 2024, đạt mức cao nhất mọi thời đại là 3,30 phần trăm trong quý 2 năm 2022 và mức thấp kỷ lục là 1,00 phần trăm trong quý 2 năm 2009.

Tỷ giá EUR/USD

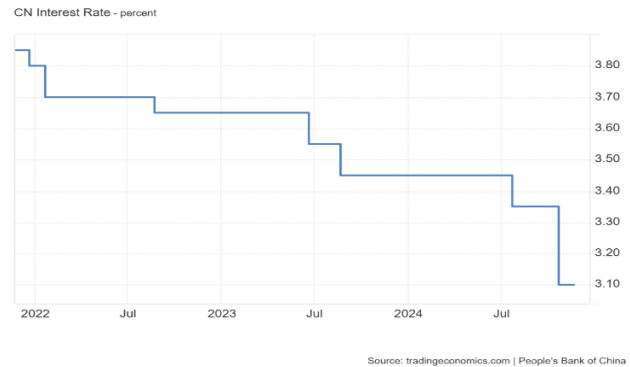


Nguồn: Eurostat/Tradingeconomics

Trung Quốc:

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) giữ nguyên lãi suất cho vay chuẩn tại mức cố định vào tháng 11. Lãi suất cho vay cơ bản một năm (LPR), chuẩn mực cho hầu hết các khoản vay doanh nghiệp và hộ gia đình, được duy trì ở mức 3,1%. Trong khi đó, lãi suất năm năm, tham chiếu cho thế chấp bất động sản, được giữ ở mức 3,6%.

Tỷ lệ lãi suất giữ cố định trong tháng 11



Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Nhật Bản:

Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm của Nhật Bản đã giảm xuống dưới 1,08% vào ngày 22/11 khi các nhà đầu tư tiếp thu các báo cáo kinh tế mới nhất. Dữ liệu cho thấy tỷ lệ lạm phát tiêu đề của Nhật Bản đã chậm lại ở mức thấp nhất trong chín tháng là 2,3% vào tháng 10, trong khi tỷ lệ lạm phát cốt lõi cũng giảm xuống 2,3%, mức thấp nhất trong sáu tháng, cao hơn một chút so với dự báo là 2,2%

Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm



Nguồn: Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới tăng

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay ở mức 2.715 USD/oz.

Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu Brent tăng 1,27% lên mức 75.170 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI tăng 1,54% ở mức 71.180 USD/thùng.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

NHTW các nước

BOJ: Khả năng tăng lãi suất trong bối cảnh suy yếu

Thống đốc BOJ Kazuo Ueda đã tuyên bố trong tuần này rằng các quyết định về chính sách tiền tệ sẽ được đưa ra và gợi ý khả năng tăng lãi suất lần nữa vào đầu tháng 12.

Chỉ số giá tiêu dùng cốt lõi của Nhật Bản, không bao gồm thực phẩm tươi sống nhưng bao gồm chi phí nhiên liệu, đã tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước vào tháng 10 năm 2024. Đây là tháng thứ hai liên tiếp chậm lại, đạt mức thấp nhất kể từ tháng 4.

Tuy nhiên, mức tăng này cao hơn một chút so với dự báo của thị trường là 2,2%. Mặc dù vậy, lạm phát cốt lõi của Nhật Bản vẫn liên tục duy trì hoặc cao hơn mục tiêu 2% của Ngân hàng Nhật Bản trong hơn hai năm, điều này đã góp phần vào lập trường cứng rắn hơn của ngân hàng trung ương trong năm nay.

Đề ứng phó với tình trạng lạm phát dai dẳng, BOJ đã tăng lãi suất vào tháng 3 và tháng 7 và đã chỉ ra sự sẵn sàng thực hiện các đợt tăng lãi suất tiếp theo.

Nguồn: Tradingeconomics

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. KINH TẾ VĨ MÔ

Bộ Tài chính đề xuất tiếp tục giảm 2% thuế giá trị gia tăng trong 6 tháng đầu năm 2025

- Bộ Tài chính đề xuất giảm 2% thuế GTGT (từ 10% xuống 8%) cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ trong 6 tháng đầu năm 2025, nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và đóng góp vào ngân sách nhà nước. Các nhóm không áp dụng giảm thuế bao gồm viễn thông, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, kim loại, khai khoáng, dầu mỏ, hóa chất và hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Chính sách này giúp giảm giá thành, kích cầu tiêu dùng, phát triển sản xuất và tạo việc làm. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ chịu thuế GTGT.

Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong nửa đầu tháng 11/2024 (từ ngày 01/11 đến ngày 15/11/2024)

Theo thông tin Tổng cục Hải quan mới công bố trong kỳ 1 tháng 11 năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 31 triệu USD. Tính từ đầu năm đến hết ngày 15/11/2024, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 23,28 tỷ USD. Cụ thể:

- Kim ngạch xuất khẩu kỳ 1 tháng 11 đạt 16,73 tỷ USD, nhập khẩu đạt 16,7 tỷ USD

- Lũy kế từ đầu năm đến giữa tháng 11, kim ngạch XK đạt 352,38 tỷ USD, NK đạt 329,1 tỷ USD.

- Tổng kim ngạch XNK kỳ báo cáo đạt 681,48 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 – 2025

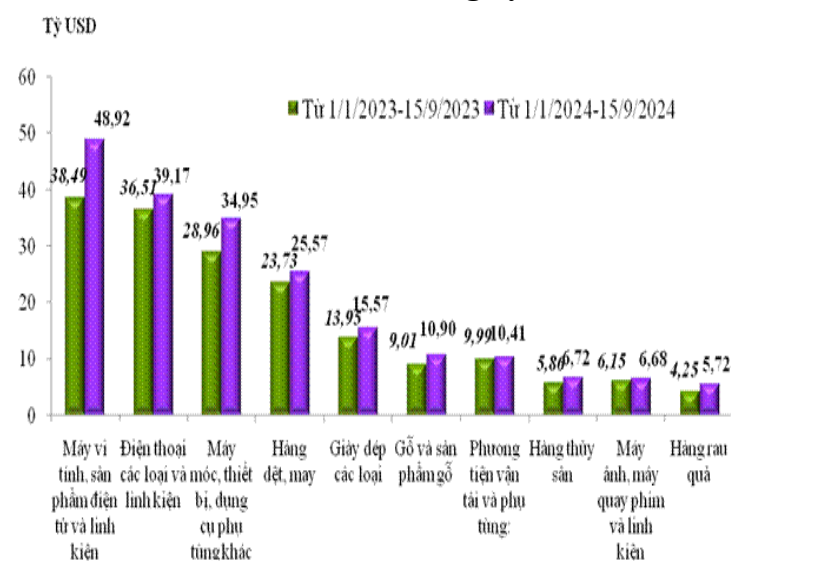
Mục tiêu của Kế hoạch là thúc đẩy phát triển kinh tế số để đạt các mục tiêu của Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Luật Thuế GTGT hiện hành quy định 02 mức thuế suất thuế GTGT 5% và 10% (không kể mức 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; đối tượng không chịu thuế GTGT). Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% thì cơ bản số thuế GTGT đầu ra nhỏ hơn số thuế GTGT đầu vào nên cơ sở kinh doanh thường không phát sinh số thuế GTGT phải nộp.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10% thì sẽ phát sinh số thuế GTGT phải nộp (thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào). Do đó, việc giảm thuế đối với những đối tượng này là cần thiết.

Nguồn: BTC

Trị giá xuất khẩu của một số nhóm hàng lớn lũy kế từ 01/01/2024 đến 15/11/2024 và cùng kỳ năm 2023



Nguồn: TCHQ

- Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực: Chuyển đổi số các ngành trọng điểm như thương mại, nông nghiệp, công nghiệp chế biến, du lịch và logistics, với các sáng kiến như nông nghiệp thông minh, nhà máy thông minh, và tối ưu hóa chi phí logistics.

Kế hoạch đưa ra 4 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm:

- Phát triển kinh tế số ICT: Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ thông tin như ngành công nghiệp nền tảng, tạo động lực cho kinh tế số và thúc đẩy các lĩnh vực khác.
- Phát triển dữ liệu số: Thúc đẩy việc chia sẻ và mở dữ liệu, tích hợp và tái sử dụng dữ liệu, cải thiện hiệu quả qua đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu, nghiên cứu các kịch bản khai thác và phát triển ứng dụng số.

Xuất khẩu suy giảm trong ngắn hạn nhưng sẽ sớm phục hồi

- Xuất khẩu của Việt Nam có thể giảm trong ngắn hạn do mức thuế nhập khẩu 10% từ Mỹ, làm giá hàng hóa Việt Nam tăng cao hơn so với hàng nội địa, gây áp lực cạnh tranh và yêu cầu duy trì chất lượng sản phẩm. Điều này cũng có thể làm giảm nhu cầu tiêu dùng tại Mỹ, ảnh hưởng đến các ngành như điện tử, dệt may và thủy sản.
- Trong dài hạn, xuất khẩu sẽ phục hồi vì Mỹ vẫn cần nhập khẩu nhiều sản phẩm mà không có lợi thế sản xuất, như dệt may và gỗ. Ngoài ra, thuế cao hơn với hàng hóa Trung Quốc sẽ giúp Việt Nam có lợi thế cạnh tranh. Chính sách của Tổng thống Trump, như giảm thuế và tăng đầu tư hạ tầng, có thể thúc đẩy chi tiêu của người dân Mỹ, từ đó tăng nhu cầu nhập khẩu và giúp xuất khẩu Việt Nam phục hồi và tăng trưởng

WB đề xuất 5 nhóm chính sách giúp Việt Nam trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045

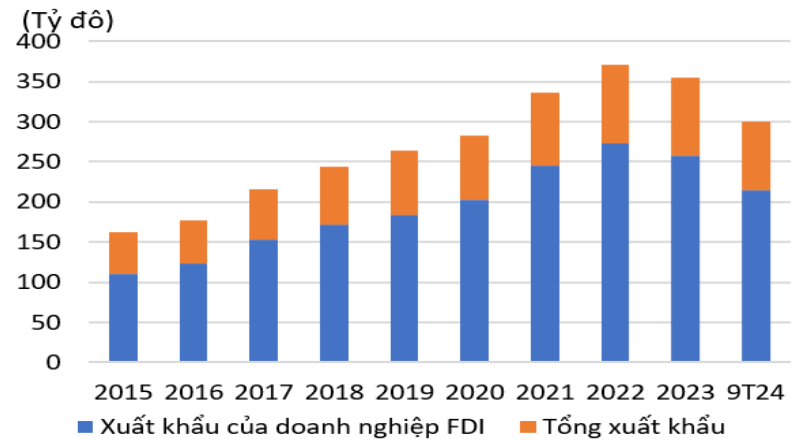
Ngân hàng Thế giới (WB) đề xuất 5 nhóm chính sách với trọng tâm cải cách kinh tế và phát triển bền vững để Việt Nam đạt mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045

- Thứ nhất, nhóm chính sách hội nhập thương mại sâu hơn. Cần tập trung khai thác các hiệp định thương mại đã có như CPTPP, RCEP; giảm rào cản phi thuế quan, tự do hóa thương mại dịch vụ, đẩy mạnh kết nối khu vực; phát

- Quản trị số: Triển khai các nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, người dân và hoàn thiện mô hình điều hành dựa trên dữ liệu qua Trung tâm Điều hành Thông minh (IOC) để phổ biến cho các địa phương. Nghị quyết nhấn mạnh năm 2025 là năm "tăng tốc, bứt phá", phấn đấu đạt kết quả cao nhất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, đồng thời hoàn thiện thể chế, tháo gỡ vướng mắc, tạo đột phá phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Nguồn: Chinhphu.vn

Giá trị xuất khẩu của Việt Nam



Nguồn: TTTT tổng hợp

Thứ ba, nhóm chính sách chuyển đổi mô hình sản xuất sang công nghệ cao. Tăng cường dịch vụ hóa xuất khẩu, giảm lệ thuộc vào gia công, lắp ráp giá trị thấp; hạ rào cản đầu tư vào dịch vụ viễn thông, tài chính và vận tải; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và sử dụng công nghệ hiện đại.

Thứ tư, nhóm chính sách nâng cấp lực lượng lao động: Đầu tư vào giáo dục đại học, đào tạo kỹ thuật và phát triển kỹ năng chuyên sâu. Việt Nam cần khuyến khích đào tạo các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học (STEM)

triển thương mại số và cải thiện quản lý biên giới.

- Thứ hai, nhóm chính sách giúp tăng cường liên kết doanh nghiệp trong nước với chuỗi giá trị toàn cầu (GVC). Cần tăng sự kết nối giữa doanh nghiệp nước ngoài và trong nước để nâng cao năng suất và tạo giá trị gia tăng nội địa; triển khai các cơ chế tài chính chuỗi cung ứng và chương trình phát triển nhà cung cấp.

và nghiên cứu khoa học, công nghệ. Thực hiện cải cách giáo dục hướng đến nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động.

Thứ năm, nhóm chính sách phát triển bền vững, giảm thải carbon. Chuyển sang sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm thân thiện với môi trường, đầu tư hạ tầng năng lượng sạch và tăng khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu; định giá carbon và khuyến khích áp dụng công nghệ xanh.

Nguồn: WB

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 47 (18/11-22/11/2024)

- Lãi suất VND liên ngân hàng giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- Tuần từ 18/11 - 22/11, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 68.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Có 68.000 tỷ đồng trúng thầu, có 99.999,73 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố.

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 47 (18/11-22/11/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD giảm nhẹ.

- Chỉ số USD Index giảm ở 2 phiên đầu tuần trước khi tăng mạnh vào các phiên cuối tuần, mức điểm cao nhất trong tuần đạt 107.55 điểm. Chốt lại phiên ngày 22/11 ở mức 107.55 điểm tăng 0.86 điểm so với phiên cuối tuần trước và cao hơn 3.47 điểm so với phiên cùng ngày tháng 10.

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 18/11-22/11, lãi suất VND liên ngân hàng có xu hướng giảm ở tất cả các kỳ hạn qua tất cả các phiên. Chốt phiên ngày 21/11, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 4,06% (-1,77 điểm phần trăm); 1 tuần 4,22% (-1,57 điểm phần trăm); 2 tuần 4,54% (-1,22 điểm phần trăm); 1 tháng 4,84% (-0,55 điểm phần trăm) so với phiên 15/11.

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 3.600 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất giữ ở mức 4,0%, duy có 1 phiên giảm nhẹ xuống mức 3,97%. Có 41.250 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 18/11-22/11, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm đan xen ở các phiên trong tuần. Chốt ngày 22/11, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.295 VND/USD, giảm 03 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và cao hơn 55 đồng so với phiên cùng ngày tháng 10.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD.

- Tỷ giá LNH trong tuần từ 18/11 - 22/11 chỉ dao động nhẹ. Kết thúc phiên 22/11, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.432, tăng 40 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và cao hơn 26 đồng so với phiên cùng ngày tháng 10.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP & TP CBLCP:

Tuần 47 (18/11-22/11/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **4.462/ 11.000** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ gần bằng 45%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với **tuần** trước: 5 năm-lãi suất 1,92 % (tăng 0,01 điểm %); 10 năm-lãi suất 2,66 % (không tăng giảm điểm %); 30 năm-lãi suất 3,12 % ;

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với cùng kỳ **tháng** trước: 5 năm-lãi suất 1,92 % (giảm 0,03 điểm %); 10 năm-lãi suất 2,66 % (không tăng giảm điểm %); 30 năm-lãi suất 3,12 % (tăng 0,02 điểm %);

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **319.006** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, tổng giá trị phát hành thành công tạm tính đạt 838 tỷ VND (nhóm ngân hàng chiếm 100%. Lũy kế từ đầu năm đến 22/11/2024 là 349.376 tỷ VND (có 359 đợt thông báo phát hành).

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số **giảm**, thanh khoản các sàn đạt bình quân **15.873** tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là **1.228,10** điểm (+9,53 điểm; **+0,78%**) và HNX-Index đóng cửa ở 221.29 điểm (-0,24 điểm; **-0,11%**) so với phiên cuối tuần trước.

Thị trường thứ cấp TPCP & TP CBLCP:

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 13.877 tỷ đồng/phiên, giảm 18,69% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

Kỳ hạn	Biến động	Giá trị	Điểm %
5 năm	Tăng	0.19	điểm%
7 năm	Giảm	0.21	điểm%
10 năm	Giảm	1.006	điểm%
15 năm	Giảm	0.97	điểm%

Tuần qua NĐT NN bán ròng 455.69 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VND)
TUẦN 47 (18/11-22/11/2024)	-455.69
Tháng 10-2024	-434.84
Q3 - 2024	2.451.07
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 14.209 tỷ VND (Khôi lượng 17.398)

Lũy kế từ khi có sàn giao dịch đạt giá trị 924.675 tỷ VND (KL đạt 1.951.211).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 22/11/2024 là 62,6%, tăng 2,81 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 5,156 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 92,105 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 22/11/2024 : 6,896 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 11,011 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
VPCP	Thông báo số 530/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình tại Hội nghị thúc đẩy triển khai các nhiệm vụ Đề án 06	22/11/2024	22/11/2024	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1
TTCP	Quyết định số 1437/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 - 2025	20/11/2024	20/11/2024	

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
NHNN	Dự thảo Thông tư quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	21/11/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqppl
BTC	Dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số	21/11/2024		
BKHĐT	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư	18/11/2024		
BTP	Dự thảo Thông tư quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp	20/11/2024		